

Số: 95/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG, TP ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 220/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

- Ông Bùi Lê Minh L, sinh ngày 09/4/1987; Số căn cước công dân: 049087018757; Địa chỉ thường trú: Tổ B, phường L, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Lê Thị Thúy H, sinh ngày 20/12/1990; Số căn cước công dân: 044190015269; Địa chỉ thường trú: Tổ B, phường L, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H kết hôn với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cũ, nay là phường L, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 220 ngày 04/12/2012), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại địa chỉ: Tổ B, phường L, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cách thức xây dựng gia đình. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân được 06 năm nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông L, bà H đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông L, bà H tiếp tục đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] *Về con chung*: Ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Gia An H1, sinh ngày 30/5/2013. Ly hôn, ông, bà thống nhất thỏa thuận giao con chung Bùi Gia An H1 cho ông Bùi Lê Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Lê Thị Thúy H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy ông L, bà H đã thống nhất thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung khi ly hôn phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở công nhận.

[3] *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H về việc nuôi dưỡng con chung như sau:

+ Giao con chung Bùi Gia An H1, sinh ngày 30/5/2013 cho ông Bùi Lê Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Bà Lê Thị Thúy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003557 ngày 09/4/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy ông Bùi Lê Minh L và bà Lê Thị Thúy H đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng  
(theo GCNKH số 220 ngày 04/12/2012 Đăng ký tại UBND phường Hoà Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng cũ);
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**Phan Văn Cường**